

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 583/2025/HC-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính cưỡng chế thu hồi đất
và giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ba D - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm
công khai vụ án hành chính thụ lý số 188/2025/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm
2025 về: “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính cưỡng chế thu
hồi đất và giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 225/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025
của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2035/2025/QĐXX-PT
ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Duy T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T1,
sinh năm 1960; cùng địa chỉ cư trú: Số D Đường H, Khu phố C, phường H,
Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; cùng có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Số A H, Phường I, quận P (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2025; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện là ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 là chủ sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại địa chỉ: D khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 2213 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 25/12/2002.

Ngày 27/12/2013, ông T và bà T1 nhận được Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đối với hộ ông (bà) Trần Duy T. Ngày 10/9/2015, ông T và bà T1 nhận được Quyết định số 861/QĐ-UBND-BT ngày 16/6/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về điều chỉnh quyết định số 1904/QĐ-UBND, theo đó tổng diện tích đất bị thu hồi là 108m², trong đó diện tích đường giao thông là 68,2m², còn lại 39,8m² đất thuộc diện được bồi thường. Tuy nhiên trên thực tế, tổng diện tích đất gia đình ông T và bà T1 bị thu hồi là 228m² và diện tích đất thực tế bị thu hồi rất lớn, không đúng với mốc giới được cắm cọc vào năm 2001.

Ngày 10/10/2016, đại diện Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A tới nhà giao cho ông T, bà T1 Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Duy T. Tại Quyết định này căn cứ vào Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Duy T. Tuy nhiên, tại điểm Ban bồi thường giao quyết định cưỡng chế, ông T và bà T1 chưa được thông báo về việc thu hồi đất cũng như chưa từng nhận được quyết định thu hồi đất nào của Ủy

ban nhân dân Quận A nên ông T, bà T1 không đồng ý nhận Quyết định số 291/QĐ-UBND trên.

Ngày 17/10/2016, ông T và bà T1 tiếp tục nhận được Thông báo số 967/TB- UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 291/QĐ-UBND nêu trên. Ngày 19/10/2016 và ngày 01/11/2016, ông T và bà T1 đã làm đơn kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A cho gia hạn thời gian để ông T và bà T1 tự tháo dỡ.

Ngày 02/11/2016, ông T và bà T1 nhận được Công văn số 8241/UBND-ĐT ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A có nội dung: “Giao Ủy ban nhân dân phường H, Phòng Quản lý đô thị và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng giám sát việc chấp hành tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của ông (bà) Trần Duy T và báo cáo kết quả đến Ủy ban nhân dân quận”.

Như vậy, mặc dù chưa đồng ý với giá trị bồi thường nhưng ông T và bà T1 vẫn chấp hành quyết định thu hồi đất và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đồng ý cho ông T và bà T1 tự tháo dỡ, di dời tài sản. Tuy nhiên, vào lúc 8 giờ ngày 03/11/2016, ông Võ Tấn K là Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị Quận A đã đưa hàng trăm người và phương tiện cơ giới đến đập phá công trình nhà ở của ông T và bà T1 dẫn đến gây thiệt hại về tài sản gồm: Phá hủy toàn bộ 07 bộ cửa cuốn, mỗi bộ có diện tích 3.1m x 2.6m; phá hủy nhiều xà gồ, đòn tay, kéo sắt; làm vỡ, lún, sụt 19m² nền nhà, tường nhà (nằm ngoài diện tích đất bị thu hồi); phá hủy hoàn toàn tôn lợp mái diện tích 15m x 1.4m; phá hủy hàng rào bằng lưới sắt B40, diện tích 3.5m x 2.5m; Phá hủy tường gạch dài 15m x 2.2m; Phá hủy toàn bộ sàn xây dựng của Khu I là 174m² (5m x 30m + 24m² sàn đúc); phá hủy toàn bộ tường rào xây dựng của Khu II có diện tích 48m²; tổng giá trị thiệt hại tạm tính là 1.000.000.000 đồng.

Việc Ban cưỡng chế tiến hành cưỡng chế trong khi ông T và bà T1 đang thực hiện tháo dỡ, di dời là hành vi cưỡng chế trái pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 17/01/2017, ông T và bà T1 có đơn khiếu nại quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế và hành vi trái pháp luật của ông Võ Tấn K. Ngày 03/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 853/QĐ-UBND-ĐT không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T và bà T1.

Nhận thấy việc Ủy ban nhân dân Quận A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành các quyết định hành chính nêu trên và thực hiện cưỡng chế là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, ông T và bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế thu hồi đất; hủy Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế; hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân Quận A về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); buộc Ủy ban nhân dân Quận A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật là 1.000.000.000 đồng.

- Người bị kiện trình bày:

Ngày 01/8/2013, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 3018/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án số 254/PA-BTCT ngày 01/8/2013 về bồi thường, hỗ trợ Dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước đường HT11 tại phường H, Quận A.

Ngày 24/8/2013 và ngày 31/10/2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H triển khai quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường và bảng chiết tính bồi thường đến các hộ dân bị ảnh hưởng trong dự án; đồng thời niêm yết phương án tại Ban Điều hành khu phố nơi thực hiện dự án.

Ngày 13/11/2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Duy T, đất thuộc phường H để thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước đường HT11 đối với bà Nguyễn Thị T1 nhưng bà Nguyễn Thị T1 không đồng ý với quyết định thu hồi đất.

Ngày 07/01/2016 và ngày 12/01/2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp Ủy ban nhân dân phường H, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường H mời ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 để vận động nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng trong dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước đường HT11 nhưng ông T và bà T1 không tham dự.

Sau khi Ủy ban nhân dân Quận A ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và qua triển khai, vận động nhưng ông Trần Duy T không chấp hành quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông (bà) Trần Duy T là đúng quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

Về yêu cầu hủy Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT ngày 17/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A:

Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Kế hoạch số 389/KH-UBND-ĐT ngày 02/11/2016 về việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Ngày 17/10/2016, Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT về việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Trần Duy T theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 19/10/2016, ông Trần Duy T có Đơn kiến nghị gửi tới Ủy ban nhân dân Quận A về việc thực hiện Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Trần Duy T, đất thuộc phường H, Quận A với nội dung: “Tôi và gia đình chấp hành lệnh cưỡng chế và kiến nghị cho gia hạn đến hết ngày 22 + 23/10/2016 gia đình tự tháo dỡ”.

Ngày 21/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Công văn số 8241/UBND-ĐT về việc trả lời đơn của ông (bà) Trần Duy T có nội dung: “Giao Ủy ban nhân dân phường H, phòng Quản lý đô thị và Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng giám sát việc chấp hành tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của ông (bà) Trần Duy T...”.

Tuy nhiên đến hết ngày 23/10/2016, hộ ông Trần Duy T vẫn không chấp hành tự tháo dỡ, di dời tài sản như trong nội dung đơn kiến nghị ngày 19/10/2016 nên Ủy ban nhân dân Quận A đã tổ chức thi hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 là đúng quy định. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận A cũng là đúng pháp luật.

Về yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường thiệt hại: Do ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 không chấp hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A nên Ủy ban nhân dân Quận A đã tổ chức thi hành theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông T và bà T1 yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường thiệt hại là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 225/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị Tòa án:

Hủy Quyết định số 291/QĐ-UB ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

Buộc Ủy ban nhân dân Quận A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật là 1.000.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị Thùy D1 đại diện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị Thùy D1 đại diện giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện trình bày quan điểm:

Ngày 17/10/2016, ông T và bà T1 nhận được Thông báo số 967/TB - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 291/QĐ-UBND nêu trên. Mặc dù không đồng ý và khiếu nại quyết định trên nhưng vào các ngày 19/10/2016, 01/11/2016, ông T và bà T1 cũng đã làm đơn kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A cho gia hạn thời gian để tự tháo dỡ.

Tuy nhiên, vào ngày 02/11/2016, ông T và bà T1 vẫn tiếp tục nhận được Công văn số 8241/UBND-ĐT ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A có nội dung: “Giao Ủy ban nhân dân phường H, phòng Quản lý đô thị và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng giám sát việc chấp hành tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của ông (bà) Trần Duy T và báo cáo kết quả đến Ủy ban nhân dân quận”. Như vậy, việc cưỡng chế chỉ thực hiện khi người bị cưỡng chế không thực hiện hoặc có vi phạm, trường hợp này ông T, bà T1 tự nguyện tháo dỡ nhưng vẫn bị cưỡng chế là trái pháp luật.

Từ việc ban hành Quyết định cưỡng chế số 291/QĐ-UBND không đúng quy định pháp luật dẫn đến việc cưỡng chế cũng là không hợp pháp. Ngoài ra, Thông báo số 967/TB - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 17/10/2016 có ghi ngày giờ cưỡng chế là ngày 03/11/2017 nhưng không thông báo trước cho ông T, bà T1 là thiếu sót; thành phần cưỡng chế ghi trong biên bản không đúng với kế hoạch cưỡng chế; việc cưỡng chế trái pháp luật đã gây thiệt hại thực tế cho gia đình ông T, bà T1 nên phải được bồi thường theo quy định.

Với những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, bà T1; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện trình bày: Thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành đúng quy định pháp luật. Do ông T, bà T1 không chấp hành quyết định này nên Ủy ban nhân dân Quận A đã tổ chức cưỡng chế thi hành là đúng. Mặc dù ông T, bà T1 có đơn xin gia hạn thời gian tự tháo dỡ nhưng chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân Quận A nên việc cưỡng chế thi hành đối với hộ ông T, bà T1 là đúng. Ngoài ra, Người khởi kiện cũng không chứng minh được có thiệt hại thực tế xảy ra nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị Thùy D1 đại diện nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Người khởi kiện như sau:

[4.1] Về yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông, bà Trần Duy T:

Ngày 01/8/2013, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 3018/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án số 254/PA-BTCT ngày 01/8/2013 về bồi thường, hỗ trợ Dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước đường HT11 tại phường H, Quận A.

Ngày 24/8/2013 và ngày 31/10/2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H triển khai quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường và bảng chiết tính bồi thường đến các hộ dân bị ảnh hưởng trong dự án, đồng thời niêm yết phương án tại Ban Điều hành khu phố nơi thực hiện Dự án.

Ngày 13/11/2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Duy T nhưng bà Nguyễn Thị T1 không đồng ý.

Ngày 07/01/2016 và ngày 12/01/2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường H mời ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 để vận động nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng trong dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước đường HT11 nhưng ông T và bà T1 không tham dự. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông (bà) Trần Duy T là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 324/2020/HC-PT ngày 28/7/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 đề nghị hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 về việc thu hồi đất; Quyết định số 1904/QĐ-UBND-BT ngày 15/12/2013 về việc bồi thường thiệt hại và bàn giao mặt bằng; Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 1904/QĐ-UBND-BT của Ủy ban nhân dân Quận A. Hiện nay các quyết định hành chính này đang có hiệu lực thi hành đối với các cá nhân, tổ chức liên quan. Do ông T, bà T1 không tự nguyện chấp hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 cưỡng chế thi hành thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn T2 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003: “Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế. Người bị cưỡng chế thu hồi đất phải chấp hành quyết định cưỡng chế và có quyền khiếu nại”. Việc ông T2, bà T1 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A là không có căn cứ.

[4.2] Về yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 10/9/2015, hộ ông Trần Duy T được nhận bàn giao Quyết định số 1904/QĐ-UBND-BT ngày 05/12/2013 về việc bồi thường thiệt hại và bàn giao mặt bằng và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 1904/QĐ-UBND-BT của Ủy ban nhân dân Quận A.

Ngày 17/10/2016, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT về việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Trần Duy T.

Ngày 19/10/2016, ông Trần Duy T có Đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân Quận A xin tự thực hiện Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 với nội

dung: Tôi và gia đình chấp hành lệnh cưỡng chế và kiến nghị cho gia hạn đến ngày 22 + 23/10/2016 gia đình tự tháo dỡ.

Ngày 21/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Công văn số 8241/UBND-ĐT có nội dung: “Giao Ủy ban nhân dân phường H, Phòng Quản lý đô thị và Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng giám sát việc chấp hành tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của ông (bà) Trần Duy T...”.

Tuy nhiên, sau nhiều ngày ông T vẫn chưa thực hiện xong việc tháo dỡ, đồng thời việc tháo dỡ không đúng ranh giải phóng mặt bằng. Do đó, vào ngày 01/11/2016, Ủy ban nhân dân phường H đã lập Biên bản ghi nhận việc tự di dời của ông T có nội dung: “Khu I: Dãy kiot hộ ông Trần Duy T đang xây dựng đà, cột tại vị trí di dời vô 2,2m, toàn bộ phần tường, mái tôn chưa tháo dỡ; Khu 2: Phần tường gạch xây vẫn còn nguyên vẹn. Như vậy, việc di dời của hộ ông T vẫn còn trong ranh giải phóng mặt bằng (trung bình di dời từ 2,4m - 2,8m). Tổ công tác thống nhất đề nghị hộ ông T tạm dừng thi công và thực hiện di dời theo đúng ranh giải phóng mặt bằng mới tiếp tục thi công, đồng thời khăn trương tháo dỡ nhà, vật kiến trúc để bàn giao mặt bằng”.

Tiếp đó, vào ngày 02/11/2016 Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Kế hoạch số 389/KH-UBND-ĐT về việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A. Như vậy, việc ban hành Kế hoạch tổ chức cưỡng chế trên cho thấy Ủy ban nhân dân Quận A đã không đồng ý tiếp tục gia hạn thời gian tự tháo dỡ theo đề nghị của ông T vì những lý do như đã ghi nhận tại Biên bản giám sát, chấp hành tháo dỡ di dời ngày 01/11/2016. Đồng thời cũng tại Biên bản ngày 03/11/2016 nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận A còn ghi nhận việc cưỡng chế thi hành Quyết định 291/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận A không xảy ra thiệt hại tài sản đối với hộ ông T. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A được xác định là hợp pháp. Ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu hủy quyết định này cũng là không có cơ sở.

[4.3] Từ việc xác định các quyết định hành chính trên được Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành hợp pháp nên yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của Người khởi kiện cũng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[4.4] Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A: Hội đồng xét xử xét thấy nội dung của thông báo này không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền của Người khởi kiện nên không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông T cũng là đúng pháp luật.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới có giá trị pháp lý làm thay đổi quyết định của Tòa án cấp sơ

thẩm nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 225/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị Thùy D1 đại diện; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 225/2025/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2012 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Thông báo số 967/TB-UBND-ĐT ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị Thùy D1 đại diện đề nghị Tòa án:

Hủy Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Hủy Quyết định số 853/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

Buộc Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A bồi thường thiệt hại về tài sản do thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Duy T được miễn. Ông T được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/0091577 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án Dân sự (nay là Thi hành án Dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Duy T và bà Nguyễn Thị T1 được miễn.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 225/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA – NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường